TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:560/2022/HNGĐ-ST
Ngày:21-7-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Minh

Bà Trần Ngọc Bảo Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Nguyễn Hải Y, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TL 2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp NT, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AT, xã MTA, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Chị và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 quyển số 01 ngày 24/10/2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả. Anh chị đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không hàn gắn được. Từ tháng 01/2021 anh chị đã sống ly thân cho đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Văn Nguyễn Hải Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 7/2022.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: nợ tiền hụi của bà Lê Thị Kim H là 14 kỳ tương đương 14.000.000đồng và anh T còn nợ mẹ chị là bà Nguyễn Thị Lệ T1 10.000.000đồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tờ tự khai ngày 29/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn T có ý kiến: Về hôn nhân chị Y xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung đồng ý giao chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng/02 cháu (1.000.000đồng/ tháng/ 01cháu) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2022. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Thị Kim H trình bày: Vợ chồng chị Y có thiếu bà 14 tháng tiền hụi tương đương 14.000.000đồng. Nhưng bà không yêu giải quyết.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Lệ T1 trình bày: Vào ngày 10/5/2021 anh T có hỏi mượn bà số tiền 10.000.000 đồng, mượn giùm anh ruột của T để làm nhà. Anh T hứa trả nhưng nay 05 tháng rồi chưa trả nhưng bà không yêu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Văn Nguyễn Hải Y và bị đơn anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Lệ T1 xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Nguyễn Hải Y.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Văn Nguyễn Hải Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 7/2022.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Văn Nguyễn Hải Y yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp TL 2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Văn Nguyễn Hải Y, anh Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Lệ T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Chị Y và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01 ngày 24/10/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị Y và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Giữa chị và anh T không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Y, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị.

Thấy rằng, giữa anh T và chị Y không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị Y và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại tờ tự khai anh T có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng, anh T và chị Y đã sống ly thân hơn 01 năm, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay các cháu Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2016 đang sống chung với chị Y để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị Y và anh T có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 7/2022. Anh T có tờ tự khai đồng ý nên cần buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 7/2022.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Nguyễn Hải Y

1. Về hôn nhân: Chị Văn Nguyễn Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Văn Nguyễn Hải Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 cháu (1000.000đồng/tháng/01cháu) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thực hiện từ tháng 7/2022.

3. Về án phí: Chị Y chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020444 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị Y đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị Y, anh T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Lý Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ
Đỗ Thị Hồng Quyên